

Số: 74/TPCN-HCNS

TP.HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN.
Trụ sở chính : 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM.
Điện thoại : (08) 38.391.150
Fax : (08) 38.324.974

Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn xác nhận việc đăng ký công bố thông tin và báo cáo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Thành Đông Phương

Chức danh : Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật Công ty.

Điện thoại : (08) 38.391.150

Địa chỉ : 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM.

CMND số : 023.076.469 cấp ngày 24/11/2011 tại CA TPHCM.

2. Nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 của Công ty.

3. Hộp thư điện tử (e-mail) đăng ký dùng gửi thông tin công bố trên cổng thông tin điện tử UBCKNN: Email: support@infofoodco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 của Công ty.

Trân trọng./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH**



Võ Thành Đông Phương



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM
CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM
CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 34

4486
NG
PHIÊN K
I TO
ỆT
HỒ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301017568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, và các lần đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất là lần thứ mười một vào ngày 23 tháng 05 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: IFC
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 3.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 30.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 3832 4983
- Fax : 028 3925 4974

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Ủy thác mua bán hàng hóa, Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống, rượu, bia (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Sản xuất giấy nhãn và bao bì, tập vở, giấy văn phòng phẩm (phong bì, giấy thấm, giấy viết, giấy in ở văn phòng, giấy tập);
- In bìa tập học sinh, nhãn hàng, bao bì, giấy tờ quản lý (không in tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh, dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
- Môi giới bất động sản, kinh doanh nhà ở; Cho thuê nhà ở; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại);
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước và sản phẩm từ sợi thuốc lá;
- Hoạt động đóng gói, mua bán sản phẩm nhựa, hàng điện máy, điện gia dụng.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn/từ nhiệm
Bà Võ Ngọc Xuân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/5/2016	Từ nhiệm ngày 13/6/2017
Ông Võ Thành Đông Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/6/2017	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13/6/2017	Từ nhiệm ngày 02/3/2017
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/3/2017	-

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Xuân Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/5/2016	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/5/2016	-
Bà Lương Thị Bầy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/5/2016	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Thành Đông Phương	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/5/2016	Miễn nhiệm ngày 12/6/2017
Ông Nguyễn Hữu Phước	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/6/2017	-

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Thành Đông Phương, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



VÕ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Số: 196/2018/BCKT-HCM.00757

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã nêu tại mục 5.4, 5.7, 5.12, 5.13.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, chúng tôi không thể kiểm tra các chứng từ của các khoản mục được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán liên quan đến các lô hàng xuất khẩu thuốc lá, do các chứng từ liên quan của các lô hàng xuất khẩu này đã bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (PC46) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ để điều tra về hành vi gian lận thuế như sau:
 - Khoản mục 5.4 "Trả trước cho người bán ngắn hạn" (Mã số 132) của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Lâm Kim Ngọc với số tiền 27.398.250.000 VND.
 - Khoản mục 5.7 "Tài sản thiếu chờ xử lý" (Mã số 139) với số tiền là 91.275.193.200 VND.
 - Khoản mục 5.12 "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" (Mã số 312) của BLUE C.T IMPORT EXPORT CO., LTD với số tiền 104.636.977.400 VND.
 - Khoản mục 5.13.1 "Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ" (Mã số 152) liên quan đến số thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn của mặt hàng thuốc lá 45.645.592.320 VND và của mặt hàng thực phẩm công nghệ 18.214.248.061 VND.

Sự ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính sẽ tùy thuộc vào kết luận điều tra của cơ quan chức năng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

- Như được nêu tại mục 5.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản phải thu khác về tiền thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thực phẩm với số tiền là 12.260.676.642 VND đã được hoàn thuế bị Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh hủy quyết định hoàn thuế, Công ty đã tạm nộp lại số tiền này và treo trên khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Số tiền thuế giá trị gia tăng bị truy hoàn này chưa được Tòa Án xét xử trách nhiệm Công ty phải nộp lại cho Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh do vậy chúng tôi chưa thể lập dự phòng hoặc ghi nhận số tiền này vào chi phí trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



ĐỖ CHÍ LIỄU

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1

3004
CỔ
CHNH
KIỂM
C VI
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184.297.084.906	177.491.292.009
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.885.838.035	2.309.935.297
Tiền	111		3.885.838.035	2.309.935.297
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	200.000.000	200.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.885.591.097	107.874.095.221
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.214.060.435	5.215.485.859
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	29.529.850.000	27.484.850.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	23.701.173.509	23.733.252.209
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(39.834.686.047)	(39.834.686.047)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	91.275.193.200	91.275.193.200
Hàng tồn kho	140		474.029.256	195.034.952
Hàng tồn kho	141	5.8	474.029.256	195.034.952
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		66.851.626.518	66.912.226.539
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.13.1	63.859.840.381	63.859.840.381
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13.2	2.991.786.137	3.052.386.158
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.471.335.192	22.497.104.641
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		20.123.033.105	22.497.104.641
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	20.037.425.105	22.360.131.841
Nguyên giá	222		35.965.813.006	36.526.663.006
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.928.387.901)	(14.166.531.165)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	85.608.000	136.972.800
Nguyên giá	228		256.824.000	256.824.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.216.000)	(119.851.200)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		18.348.302.087	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	18.348.302.087	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222.768.420.098	199.988.396.650

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		172.140.831.243	154.521.422.452
Nợ ngắn hạn	310		170.341.887.243	153.486.422.452
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	40.887.979
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	136.240.488.422	120.240.488.422
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.730.729.601	32.159.149.267
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	235.579.920	119.900.284
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	810.089.300	925.996.500
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	31.325.000.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.798.944.000	1.035.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	1.798.944.000	1.035.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.627.588.855	45.466.974.198
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	50.627.588.855	45.466.974.198
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.545.286.245	17.545.286.245
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.082.302.610	(2.078.312.047)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(2.078.312.047)	6.282.306.598
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		5.160.614.657	(8.360.618.645)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222.768.420.098	199.988.396.650


TRẦN THỊ THANH HUYỀN
 Người lập biểu


HÀ THỊ MAI PHƯƠNG
 Kế toán trưởng


VÕ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	12.408.966.935	40.430.836.496
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	18.086.670
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.408.966.935	40.412.749.826
Giá vốn hàng bán	11	6.3	4.771.079.722	33.723.652.851
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.637.887.213	6.689.096.975
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	133.570.737	16.477.067.563
Chi phí tài chính	22	6.5	149.316.000	1.372.819.555
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		149.316.000	1.292.390.931
Chi phí bán hàng	25	6.6	412.050.034	4.264.401.624
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7.220.905.214	7.563.188.679
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.813.298)	9.965.754.680
Thu nhập khác	31	6.8	24.345.069.438	746.230.358
Chi phí khác	32	6.9	17.775.189.336	19.072.603.683
Lợi nhuận khác	40		6.569.880.102	(18.326.373.325)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.559.066.804	(8.360.618.645)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13.2	1.398.452.147	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.160.614.657	(8.360.618.645)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.720	(2.787)


TRẦN THỊ THANH HUYỀN
 Người lập biểu


HÀ THỊ MAI PHƯƠNG
 Kế toán trưởng


VÕ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018




CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.559.066.804	(8.360.618.645)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.993.366.536	2.446.688.101
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	-	150.857.578
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	217.167.263	(500.160.650)
Chi phí lãi vay	06	149.316.000	1.374.213.832
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	8.918.916.603	(4.889.019.784)
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(1.950.895.855)	9.627.890.325
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(278.994.304)	13.251.556.384
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.845.227.209)	31.072.478.180
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(18.348.302.087)	112.791.383
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	1.639.826.000
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(1.374.213.832)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.398.452.147)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(26.902.954.999)	49.441.308.656
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(510.000.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	30.000.000	1.636.363.636
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(30.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	30.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	133.537.737	240.383.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	163.537.737	1.366.746.696
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	31.325.000.000	140.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(53.234.757.349)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.680.000)	(193.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31.315.320.000	(53.287.857.349)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	4.575.902.738	(2.479.801.997)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	2.309.935.297	4.789.737.294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	6.885.838.035	2.309.935.297


TRẦN THỊ THANH HUYỀN
 Người lập biểu


HÀ THỊ MAI PHƯƠNG
 Kế toán trưởng


VÕ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Công Nghệ Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301017568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 29 tháng 11 năm 2013.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: IFC
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 3.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 30.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Ủy thác mua bán hàng hóa, Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống, rượu, bia (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Sản xuất giấy nhãn và bao bì, tập vở, giấy văn phòng phẩm (phong bì, giấy thấm, giấy viết, giấy in ở văn phòng, giấy tập);
- In bìa tập học sinh, nhãn hàng, bao bì, giấy tờ quản lý (không in tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh, dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa và lẻ hành quốc tế;
- Môi giới bất động sản, kinh doanh nhà ở; Cho thuê nhà ở; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại);
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước và sản phẩm từ sợi thuốc lá;
- Hoạt động đóng gói, mua bán sản phẩm nhựa, hàng điện máy, điện gia dụng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Bình Tây	Số 468 Nguyễn Văn Lương, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Bến Thành	Số 27-29-31-33 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Bình Đông	Số 1510 Võ Văn Kiệt, Phường 03, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Hoàng Diệu	Số 140 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
Chi nhánh Thực phẩm Công nghệ Miền Đông	Số 191 Bùi Thị Xuân, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 21 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 25 người)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi thanh lý một khoản đầu tư thì phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần với giá trị ghi sổ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là tiền thuê nhà, đất trả trước. Tiền thuê nhà, đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà, đất đã trả cho phần nhà, đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê nhà, đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 38,7 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
Tài sản cố định khác	05 - 06 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp để tạo ra phần mềm. Phần mềm máy tính này được phân bổ vào chi phí với thời gian là 5 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ, tài sản đã nhận được từ người bán và giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.17 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Quan hệ

Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	65.677.395	69.512.135
Tiền gửi ngân hàng – VND	3.820.160.640	2.238.178.162
– USD	-	2.245.000
Các khoản tương đương tiền – VND	3.000.000.000	-
	6.885.838.035	2.309.935.297

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất tiền gửi là 5,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Công Quậnh.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có chứng khoán kinh doanh. Thông tin về các khoản chứng khoán kinh doanh của Công ty như sau:

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm (*)	200.000.000	-	-	200.000.000	-	-
	200.000.000	-	-	200.000.000	-	-

(*) Công ty sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm với số lượng 20.000 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Tân Tân	4.639.892.001	4.639.892.001
Các khách hàng khác	574.168.434	575.593.858
	5.214.060.435	5.215.485.859

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH MTV Thương Mại (*) Lâm Kim Ngọc	27.398.250.000	27.398.250.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Bình Nam Bắc	2.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	131.600.000	86.600.000
	29.529.850.000	27.484.850.000

(*) Khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Thương mại Lâm Kim Ngọc có liên quan đến lô hàng xuất khẩu đang được Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (PC46) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Cổ phần Thực phẩm CMT (*)	10.978.796.867	(7.375.285.845)	10.978.796.867	(7.375.285.845)
Tạm ứng	275.000.000	-	318.000.000	-
Tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn tạm nộp lại cho Cục Thuế Tp.Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02/11/2017	12.260.676.642	-	12.260.676.642	-
Các khoản phải thu khác	186.700.000	-	175.778.700	-
	23.701.173.509	(7.375.285.845)	23.733.252.209	(7.375.285.845)

(*) Đây là giá trị tiền hàng Công ty gửi kho Công ty Cổ phần Thực phẩm CMT nhưng công ty này đã lấy bán.

(**) Đây là tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thực phẩm bị hủy quyết định hoàn thuế nộp lại cho Nhà nước theo Quyết định số 5178/QĐ-CT của Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 11 năm 2017.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức khác						
Phải thu khách hàng ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Tân Tân	Trên 3 năm	4.639.892.001	-	Trên 3 năm	4.639.892.001	-
Các khách hàng khác	Từ 2 năm - dưới 3 năm	421.258.201	-	Từ 1 năm - dưới 3 năm	421.258.201	-
Trả trước người bán ngắn hạn						
Công ty TNHH MTV TM Lâm Kim Ngọc	Trên 3 năm	27.398.250.000	-	Từ 2 năm - dưới 3 năm	27.398.250.000	-
Phải thu ngắn hạn khác						
Công ty Cổ phần Thực phẩm CMT	Trên 3 năm	10.978.796.867	3.603.511.022	Trên 3 năm	10.978.796.867	3.603.511.022
		43.438.197.069	3.603.511.022		43.438.197.069	3.603.511.022

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, khó đòi như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	(39.834.686.047)	(39.683.828.469)
Trích lập dự phòng trong năm	-	(150.857.578)
Số dư cuối năm	(39.834.686.047)	(39.834.686.047)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Hàng hóa	(*) <u>91.275.193.200</u>	<u>91.275.193.200</u>

(*) Đây là tài sản thiếu chờ xử lý trên liên quan đến lô hàng xuất khẩu đang được Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (PC46) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra.

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ dụng cụ	-	-	195.034.952	-
Hàng hóa	474.029.256	-	-	-
	<u>474.029.256</u>	-	<u>195.034.952</u>	-

5.9 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2017	33.164.987.618	2.415.150.000	425.266.029	216.852.359	304.407.000	36.526.663.006
Thanh lý, nhượng bán	-	(560.850.000)	-	-	-	(560.850.000)
Vào ngày 31/12/2017	33.164.987.618	1.854.300.000	425.266.029	216.852.359	304.407.000	35.965.813.006
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2017	12.170.354.911	1.058.878.866	425.266.029	207.624.359	304.407.000	14.166.531.165
Khấu hao trong năm	1.549.153.363	383.620.373	-	9.228.000	-	1.942.001.736
Giảm do thanh lý	-	(180.145.000)	-	-	-	(180.145.000)
Vào ngày 31/12/2017	13.719.508.274	1.262.354.239	425.266.029	216.852.359	304.407.000	15.928.387.901
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2017	20.994.632.707	1.356.271.134	-	9.228.000	-	22.360.131.841
Vào ngày 31/12/2017	19.445.479.344	591.945.761	-	-	-	20.037.425.105

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2017	156.082.595	-	425.266.029	147.642.359	163.907.000	892.897.983
Vào ngày 31/12/2017	805.380.595	370.000.000	425.266.029	216.852.359	304.407.000	2.121.905.983

004
CÔNG
NH
KIỂM
VI
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2017		256.824.000
Vào ngày 31/12/2017		<u>256.824.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2017		119.851.200
Khấu hao trong năm		51.364.800
Vào ngày 31/12/2017		<u>171.216.000</u>
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2017		136.972.800
Vào ngày 31/12/2017		<u>85.608.000</u>

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền thuê nhà, đất chờ phân bổ (*)	18.348.302.087	-
	<u>18.348.302.087</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản tiền thuê nhà, đất trả trước với diện tích đất Công ty đang sử dụng tại số 103-105 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê là 38,7 năm (từ ngày 14/04/2017 đến ngày 29/12/2055).

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Blue C.t Import Export Co Ltd (*)	104.636.977.400	104.636.977.400
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đại Cát	28.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm CMT	3.603.511.022	3.603.511.022
Công ty Cổ phần địa ốc Vĩnh Phát	-	12.000.000.000
	<u>136.240.488.422</u>	<u>120.240.488.422</u>

(*) Khoản công nợ này liên quan đến lô hàng xuất khẩu đang được Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (PC46) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra.

5.13 Thuế

5.13.1 Thuế GTGT được khấu trừ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế GTGT được khấu trừ (*)	<u>63.859.840.381</u>	<u>63.859.840.381</u>

(*) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của mặt hàng thuốc lá và mặt hàng thực phẩm tại thời điểm 31/12/2017 chi tiết như sau:

- Số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của mặt hàng thuốc lá tại thời điểm 31/12/2017 là 45.645.592.320 VND (tổng số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của mặt hàng thuốc lá phát sinh từ năm 2011 đến tháng 12 năm 2013 là 125.974.792.320 VND, số thuế đã được hoàn là 80.329.200.000 VND).
- Số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của mặt hàng thực phẩm tại thời điểm 31/12/2017 là 18.214.248.061 VND (tổng số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của mặt hàng thực phẩm phát sinh từ năm 2011 đến tháng 12 năm 2013 là 30.474.924.703 VND, số thuế đã được hoàn là 12.260.676.642 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13.2 Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	31.372.594.267	-	1.680.267.976	(31.322.132.642)	1.730.729.601	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(2.645.947.522)	1.398.452.147	(1.398.452.147)	-	(2.645.947.522)
Thuế thu nhập cá nhân	-	(406.438.636)	63.951.860	(3.351.839)	-	(345.838.615)
Tiền thuế đất	786.555.000	-	39.945.289.462	(40.731.844.462)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Cộng	32.159.149.267	(3.052.386.158)	43.095.961.445	(73.447.781.090)	1.730.729.601	(2.991.786.137)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

(*) Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa đã nộp trong năm chủ yếu là số tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn thuế từ các năm 2011, năm 2012, năm 2013 đã bị Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh hủy Quyết định hoàn thuế và thu hồi tiền hoàn thuế theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2017 với số tiền là 31.322.132.642 VND (trong đó thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thuốc lá là 19.061.456.000 VND, mặt hàng thực phẩm là 12.260.676.642 VND).

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.559.066.804	(8.360.618.645)
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Thuế giá trị gia tăng đã được hoàn bị truy thu	-	19.061.456.000
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động kinh doanh	98.666.664	59.333.332
- Chi phí không hóa đơn chứng từ	20.789.294	116.088.537
- Chi phí phạt hành chính	77.500.000	612.751
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.756.022.762	10.876.871.975
Trong đó,		
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	6.992.260.733	-
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	(236.237.971)	10.876.871.975
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(56.000.000)	(16.000.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	10.860.871.975
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.692.260.733	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	6.992.260.733	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(292.237.971)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.398.452.147	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí hỗ trợ bán hàng	40.809.375	40.809.375
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	45.454.545	79.090.909
Chi phí lãi vay	149.316.000	-
	235.579.920	119.900.284

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	8.648.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	708.650.800	823.526.000
Phải trả cổ tức	92.790.500	102.470.500
	810.089.300	925.996.500

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.798.944.000	1.035.000.000

5.16 Vay ngắn hạn

	31/12/2017 Số có khả năng trả nợ VND	01/01/2017 Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác		
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Cát	31.325.000.000	-
	31.325.000.000	-

Vay ngắn hạn tín chấp của Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Cát theo hợp đồng vay số 02/2017/HĐTD ngày 29 tháng 11 năm 2017. Mục đích vay là để Công ty trả ngân sách Nhà nước và thanh toán chi phí hoạt động của Công ty. Thời hạn của khoản vay là 06 (sáu) tháng tính từ ngày 29 tháng 11 năm 2017 đến ngày 29 tháng 05 năm 2018. Lãi suất của khoản vay là 5,2%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2017 VND	Số tiền vay trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Cát	-	31.325.000.000	-	31.325.000.000
	-	31.325.000.000	-	31.325.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Năm trước				
Tại ngày 01/01/2016	30.000.000.000	17.545.286.245	6.282.306.598	53.827.592.843
Lỗ trong năm	-	-	(8.360.618.645)	(8.360.618.645)
Tại ngày 31/12/2017	30.000.000.000	17.545.286.245	(2.078.312.047)	45.466.974.198
Năm nay				
Tại ngày 01/01/2017	30.000.000.000	17.545.286.245	(2.078.312.047)	45.466.974.198
Lãi trong năm	-	-	5.160.614.657	5.160.614.657
Tại ngày 31/12/2017	30.000.000.000	17.545.286.245	3.082.302.610	50.627.588.855

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Hữu Phước	6.000.000.000	20,00%	-	-
Công ty Cổ phần Minh Hưng Phú	5.575.330.000	18,58%	-	-
Ông Võ Thành Đông Phương	5.142.000.000	17,14%	5.142.000.000	17,14%
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	3.828.180.000	12,76%	3.828.180.000	12,76%
Ông Nguyễn Hồng Sơn	3.601.000.000	12,00%	3.601.000.000	12,00%
Bà Võ Ngọc Xuân	-	-	6.000.000.000	20,00%
Ông Dương Bá Nam	-	-	4.200.000.000	14,00%
Các cổ đông khác	5.853.490.000	19,52%	7.228.820.000	24,10%
	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	9.697.820	30.786.918.832
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.399.269.115	9.643.917.664
	<u>12.408.966.935</u>	<u>40.430.836.496</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	-	18.086.670
	<u>-</u>	<u>18.086.670</u>

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	204.197.080	29.215.579.191
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.566.882.642	4.508.073.660
	<u>4.771.079.722</u>	<u>33.723.652.851</u>

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	77.537.737	124.383.060
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	16.230.174.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.000.000	16.000.000
Doanh thu tài chính khác	33.000	106.510.503
	<u>133.570.737</u>	<u>16.477.067.563</u>

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	149.316.000	1.292.390.931
Phí môi giới chứng khoán	-	32.796.000
Chi phí tài chính khác	-	47.632.624
	<u>149.316.000</u>	<u>1.372.819.555</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí bán hàng	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	-	1.063.936.675
Chi phí vật liệu bao bì	-	828.105.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.620.373	819.362.533
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	-	433.052.048
Chi phí thuê mặt bằng, thuê kho	-	109.200.000
Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	405.841.162
Chi phí điện, nước	26.402.675	193.082.168
Chi phí tiếp khách	-	173.525.078
Chi phí bán hàng khác	2.026.986	238.296.061
	412.050.034	4.264.401.624
6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.826.292.184	4.808.801.767
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.399.927	225.112.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.228.020	119.842.020
Thuế, phí, lệ phí	1.370.689.193	391.839.114
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	150.857.578
Chi phí điện, nước	799.185.307	694.108.580
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.045.110.583	1.172.627.077
	7.220.905.214	7.563.188.679
6.8 Thu nhập khác	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định	-	359.777.590
- <i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	-	1.636.363.636
- <i>Chi phí thanh lý tài sản cố định</i>	-	(1.276.586.046)
Chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 27-29-31-33 Phan Chu Trinh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	24.338.637.009	-
Thu nhập từ chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	-	87.545.366
Thu nhập từ phạt chậm thanh toán	-	170.000.000
Thu nhập khác	6.432.429	128.907.402
	24.345.069.438	746.230.358
6.9 Chi phí khác	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định	350.705.000	-
- <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i>	380.705.000	-
- <i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	(30.000.000)	-
Chi phí từ việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 27-29-31-33 Phan Chu Trinh, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	17.346.376.276	-
Truy thu tiền hoàn thuế giá trị gia tăng phát sinh từ các năm 2016 theo Quyết định số 1743/QĐ-CT ngày 31 tháng 3 năm 2016	-	19.061.456.000
Chi phí phạt hành chính	77.500.000	612.751
Chi phí khác	608.060	10.534.932
	17.775.189.336	19.072.603.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.160.614.657	(8.360.618.645)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>1.720</u>	<u>(2.787)</u>

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá mua hàng hóa	9.162.128	27.780.041.896
Chi phí nguyên liệu, vật liệu bao bì	-	828.105.899
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	259.434.879	1.435.537.295
Chi phí nhân công	3.826.292.184	5.872.738.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.993.366.536	2.446.688.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.220.786.755	3.542.842.160
Chi phí bằng tiền khác	2.094.992.488	3.645.289.361
	<u>12.404.034.970</u>	<u>45.551.243.154</u>

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình như tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Vay ngắn hạn	31.325.000.000	-	31.325.000.000
Chi phí phải trả	235.579.920	-	235.579.920
Các khoản phải trả, phải nộp khác	708.650.800	1.798.944.000	2.507.594.800
	32.269.230.720	1.798.944.000	34.068.174.720
Ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Phải trả người bán	40.887.979	-	40.887.979
Chi phí phải trả	119.900.284	-	119.900.284
Các khoản phải trả, phải nộp khác	823.526.000	1.035.000.000	1.858.526.000
	984.314.263	1.035.000.000	2.019.314.263

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản đảm bảo

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2016 là tiền ký quỹ ký cược ngắn và dài hạn lần lượt là 2.507.594.800 VND và 1.858.526.000 VND – Xem thêm mục 5.15.1 và 5.15.2

iv. Giá trị hợp lý**(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	5.214.060.435	5.215.485.859	152.910.233	154.335.657
Các khoản phải thu khác	11.037.296.867	11.154.575.567	3.662.011.022	3.779.289.722
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Chứng khoán kinh doanh	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.885.838.035	2.309.935.297	6.885.838.035	2.309.935.297
Tổng cộng	23.337.195.337	18.879.996.723	10.900.759.290	6.443.560.676
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay ngắn hạn	31.325.000.000	-	31.325.000.000	-
Phải trả người bán	-	40.887.979	-	40.887.979
Chi phí phải trả	235.579.920	119.900.284	235.579.920	119.900.284
Phải trả khác	2.507.594.800	1.858.526.000	2.507.594.800	1.858.526.000
Tổng cộng	34.068.174.720	2.019.314.263	34.068.174.720	2.019.314.263

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Các công cụ phái sinh

Giá trị hợp lý của các hợp đồng giao dịch kỳ hạn được căn cứ trên giá niêm yết trên thị trường, nếu có. Nếu không có giá niêm yết trên thị trường, giá trị hợp lý được tính bằng cách chiết khấu giá trị chênh lệch giữa giá kỳ hạn theo hợp đồng và giá kỳ hạn hiện hành đối với thời gian đáo hạn còn lại của hợp đồng theo lãi suất không chứa đựng rủi ro được điều chỉnh cho rủi ro tín dụng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị hợp lý của các hợp đồng hoán đổi lãi suất được căn cứ trên giá người môi giới. Các mức giá này được kiểm tra tính hợp lý bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến trong tương lai theo các điều khoản và thời gian đáo hạn của từng hợp đồng và sử dụng lãi suất thị trường áp dụng cho công cụ tương tự tại ngày xác định giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý phản ánh rủi ro tín dụng của công cụ và bao gồm các điều chỉnh để tính đến rủi ro tín dụng của Công ty và đối tác khi phù hợp. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao và tiền lương	814.800.000	903.669.743
	<u>814.800.000</u>	<u>903.669.743</u>

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là thương mại hàng hóa tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Số liệu so sánh**8.3.1 Điều chỉnh theo Quyết định của Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh**

Theo Quyết định số 1743/QĐ-CT của Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 3 năm 2016 về việc hủy các quyết định hoàn thuế và truy thu tiền hoàn thuế giá trị gia tăng của các năm 2011, 2012, 2013 của Công ty với số tiền là 92.589.876.642 VND, trong đó mặt hàng thuốc lá là 80.329.200.000 VND và mặt hàng thực phẩm là 12.260.676.642 VND. Theo đó, Công ty ghi nhận toàn bộ số tiền 92.589.876.642 VND vào khoản mục chi phí khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 đồng thời ghi nhận tăng khoản mục thuế giá trị gia tăng phải nộp trên Bảng cân đối kế toán.

Tuy nhiên, ngày 02 tháng 11 năm 2017 Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5178/QĐ-CT (thay thế Quyết định số 1743/QĐ-CT ngày 31 tháng 3 năm 2016) về việc truy thu tiền hoàn thuế giá trị gia tăng đã được hoàn của Công ty là 31.322.132.642 VND (trong đó, mặt hàng thuốc lá là 19.061.456.000 VND, mặt hàng thực phẩm là 12.260.676.642 VND).

8.3.2 Ảnh hưởng của việc điều chỉnh theo Quyết định của Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.472.575.567	12.260.676.642	23.733.252.209	(i)
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	313	93.426.893.267	(61.267.744.000)	32.159.149.267	(ii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(75.606.732.689)	73.528.420.642	2.078.312.047	(iii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí khác	32	92.601.024.325	(73.528.420.642)	19.072.603.683	(iv)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(27.296)	24.509	(2.787)	(v)

(i) Phải thu ngắn hạn khác: điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thực phẩm đã được hoàn thuế bị truy thu do Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh hủy các quyết định hoàn thuế theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2017.

(ii) Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước: điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thuốc lá đã được hoàn thuế bị truy thu do Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh hủy các quyết định hoàn thuế theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (iii) và (iv) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán và chi phí khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh. Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thực phẩm đã được hoàn thuế bị truy thu do Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh hủy các quyết định hoàn thuế theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2017

12.260.676.642

Điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thuốc lá đã được hoàn thuế bị truy thu do Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh hủy các quyết định hoàn thuế theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2017

61.267.744.000

73.528.420.642

- (v) Lãi cơ bản trên cổ phiếu: việc điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng bị truy hoàn theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh dẫn đến lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông giảm từ (81.889.039.287 VND) xuống còn (8.360.618.645 VND) và do đó làm lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ (27.296 VND) xuống còn (2.787 VND).

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRẦN THỊ THANH HUYỀN
Người lập

HÀ THỊ MAI PHƯƠNG
Kế toán trưởng



VŨ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018.

Số : 75 /TPCN-HCNS

V/v Giải trình

Báo cáo tài chính năm 2017

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên doanh nghiệp: Công ty CP Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn
Địa chỉ trụ sở: 103 -105 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Quận 1.
Mã số thuế: 0301017568
Mã chứng khoán: IFC

Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn (“Công ty”) xin giải trình và công bố thông tin về trường hợp Báo cáo tài chính năm 2017 không được kiểm toán viên chấp nhận toàn phần và điều chỉnh số liệu theo Quyết định của Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 được phát hành ngày 30/03/2018 của Công ty được Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ:

- Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ các khoản mục: Trả trước cho người bán ngắn hạn, Tài sản thiếu chờ xử lý, Người mua trả tiền trước ngắn hạn và Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ như sau:

“Chúng tôi không thể kiểm tra các chứng từ của các khoản mục được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán liên quan đến các lô hàng xuất khẩu thuốc lá, do các chứng từ liên quan của các lô hàng xuất khẩu này đã bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (PC46) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ để điều tra về hành vi gian lận thuế như sau:

- Khoản mục 5.4 “Trả trước cho người bán ngắn hạn” (Mã số 132) của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Lâm Kim Ngọc với số tiền 27.398.250.000 VND.
- Khoản mục 5.7 “Tài sản thiếu chờ xử lý” (Mã số 139) với số tiền là 91.275.193.200 VND.
- Khoản mục 5.12 “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” (Mã số 312) của BLUE C.T IMPORT EXPORT CO., LTD với số tiền 104.636.977.400 VND.
- Khoản mục 5.13.1 “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” (Mã số 152) liên quan đến số thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn của mặt hàng thuốc lá 45.645.592.320 VND và của mặt hàng thực phẩm công nghệ 18.214.248.061 VND.

Sự ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính sẽ tùy thuộc vào kết luận điều tra của cơ quan chức năng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

- Theo Bảng án Phúc thẩm số 337/2017/HS-PT ngày 05/07/2017 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP.HCM đã tuyên Công ty Thực phẩm Công nghệ y án. Công ty đã nộp đơn đến Cục Thi Hành Án Dân Sự TP.HCM để yêu cầu thực hiện bản án.
- Đến ngày 31/12/2017, Công ty chưa nhận được công văn phản hồi của các cơ quan: Cục Thi Hành Án Dân Sự TP.HCM, Công an TP.HCM, Cục Thuế TP.HCM về việc thực hiện bản án, về hướng dẫn xử lý doanh thu, giá vốn, số dư liên quan đến mặt hàng thuốc lá và mặt hàng khác phát sinh trong giai đoạn 2011-2013. Ngoài ra, do toàn bộ chứng từ gốc từ liên quan của các lô hàng xuất khẩu này vẫn bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh giữ, nên trong Báo cáo tài chính năm 2017, Công ty chưa thể xử lý số liệu của các khoản mục trên.

2. Điều chỉnh số liệu theo Quyết định của Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh:
- Ngày 20/11/2017, Công ty nhận được Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02/11/2017 (thay thế Quyết định số 1743/QĐ-CT ngày 31/3/2016) của Cục Thuế TP.HCM ban hành về việc truy thu tiền hoàn thuế giá trị gia tăng đã được hoàn của Công ty là 31.322.132.642 đồng (trong đó, mặt hàng thuốc lá là 19.061.456.000 đồng, mặt hàng thực phẩm là 12.260.676.642 đồng), thay vì 92.589.876.642 đồng. Việc thi hành Quyết định này ảnh hưởng đến số liệu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính năm 2017 ở các khoản mục: Phải thu ngắn hạn khác, Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán và khoản mục Chi phí khác và Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Phải thu ngắn hạn khác	11.472.575.567	12.260.676.642	23.733.252.209
Thuế và các khoản phải nộp	93.426.893.267	(61.267.744.000)	32.159.149.267
Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(75.606.732.689)	73.528.420.642	2.078.312.047
Chi phí khác	92.601.024.325	(73.528.420.642)	19.072.603.683
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(27.296)	24.509	(2.787)

- Phải thu ngắn hạn khác: điều chỉnh về tiền thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thực phẩm với số tiền là 12.260.676.642 đồng đã được hoàn thuế, nay bị Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh hủy quyết định hoàn thuế, Công ty đã tạm nộp lại số tiền này và treo trên khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Số tiền thuế giá trị gia tăng bị truy hoàn này chưa được Tòa Án xét xử trách nhiệm Công ty phải nộp lại cho Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên nếu Công ty không nộp sẽ bị Cơ quan Thuế thực hiện cưỡng chế phong tỏa tài sản.
- Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước: điều chỉnh tiền hoàn thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thuốc lá và mặt hàng thực phẩm bị truy thu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chi phí khác: Điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thực phẩm và của mặt hàng thuốc lá đã được hoàn thuế bị truy thu lần lượt là 12.260.676.642 đồng và 61.267.744.000 đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: việc điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng bị truy hoàn theo Quyết định số 5178/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh dẫn đến lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông giảm từ (81.889.039.287 đồng) xuống còn (8.360.618.645 đồng) và do đó làm lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ (27.296 đồng) xuống còn (2.787 đồng).

Trên đây là những nội dung của Công ty Cổ phần Thực phẩm Công nghệ Sài Gòn giải trình cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận :
- Như trên ;
- Lưu: VT



VÔ THÀNH ĐÔNG PHƯƠNG